

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 - 2024

QUẢNG NINH - 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 – 2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lãnh Thị Mai Hồng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Mai Hương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Phạm Thị An	Tổ trưởng tổ Toán-Tin	Thư ký	
5	Phạm Thị Hải Yến	Tổ trưởng tổ KHTN	Thành viên	
6	Mai Thị Hoài Hương	Tổ trưởng tổ KHXH	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Bách	Tổ trưởng VP	Thành viên	
8	Trần Thị Thúy Tình	Giáo viên Tin học	Thành viên	
9	Phạm Thu Hà	Kế toán	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục từ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	15
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	20
Tiêu chí 1.6	21
Tiêu chí 1.7	22
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	23
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	24
Mở đầu	25
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	26
Tiêu chí 2.3	26
Tiêu chí 2.4	27
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	28
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	29
Phần IV. PHỤ LỤC	30

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	BC	Biên chế
2	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
3	CBVCNV	Cán bộ viên chức nhân viên
4	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	CĐS	Chuyển đổi số
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	DHTT	Dạy học trực tuyến
10	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
11	GDĐT	Giáo dục đào tạo
12	GV	Giáo viên
13	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
14	HSKTHN	Học sinh khuyết tật hoà nhập
15	HĐ	Hợp đồng
16	HT, PHT	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
17	HS	Học sinh
18	KHTN	Khoa học tự nhiên
19	KHXH	Khoa học xã hội
20	NV	Nhân viên
21	TĐG	Tự đánh giá
22	TDTT	Thể dục thể thao
23	THCS	Trung học cơ sở
24	THPT	Trung học phổ thông
25	GDĐT	Giáo dục đào tạo
26	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
27	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
28	TBDH	Thiết bị dạy học
29	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí 1			
Tiêu chí 1.1			Có
Tiêu chí 1.2			Có
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5		x	
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7		x	
Nhóm tiêu chí 2			
Tiêu chí 2.1			Có
Tiêu chí 2.2			Có
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4		x	

Kết quả: Đạt mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH

Huyện/quận /thị xã / thành phố: UÔNG BÍ

Xã / phường/thị trấn: PHƯƠNG ĐÔNG

Điện thoại: 02033.854.344

Email: c2phuongdong.ub.quangninh@moet.edu.vn

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcsphuongdong1/Home.aspx>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 2

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên**Học sinh**

TT	Khối lớp	Số lớp	Số lượng	HSKT
1	6	8	382	1
2	7	6	301	3
3	8	6	257	2
4	9	5	251	3
	TỔNG	25	1191	9

CBQL-Giáo viên-Nhân viên

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	44	44	0	0	44	40	
Nhân viên	03	03	0	0	03	0	
Cộng	49	48	0	0	47	43	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 100% CBQL-GV-NV đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.
- Hệ thống hồ sơ sổ sách chuyên môn nhà trường được lập và sử dụng là các hồ sơ điện tử. Có văn bản hướng dẫn lập- sử dụng cụ thể vào đầu các năm học.
- CBQL-GV thành thạo sử dụng thiết bị trong học, dạy trực tuyến.
- Có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.
- Có đủ thiết bị, tài khoản, có đủ tài khoản LMS trên hệ thống để thực hiện dạy học,

kiểm tra trực tuyến. Thực hiện phủ sóng wifi 100% phòng học.

- Tổ chức được các hoạt động tương tác, tài liệu trực tuyến trong quản lí, hoạt động chuyên môn.

- Khó khăn: Chưa có phòng kỹ thuật xây dựng kênh hình dạy học để phục vụ cho bài giảng e-learning.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường có diện tích khuôn viên 6908,2m², với diện tích bình quân đạt gần 5,8 m²/HS (*tính theo số HS ở thời điểm tháng 5/2024*). Hiện tại trường có 36 phòng làm việc, trong đó: có 14 phòng học; 10 phòng bộ môn Ngoại ngữ, Sinh học, Vật lí- Công nghệ, Hóa học, Tin học; 01 thư viện; 01 phòng đoàn đội; 01 phòng thường trực (bảo vệ); 01 văn phòng (Kế toán); 01 phòng y tế; 03 phòng làm việc của CBQL, 01 phòng Hội đồng; 01 phòng truyền thống; 01 phòng chờ giáo viên; 01 phòng tư vấn học đường. Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường.

Nhà trường có tổng số 14 phòng học, các phòng được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

01 Phòng tin học được trang bị 23 máy tính được kết nối Internet;

01 phòng ngoại ngữ được trang bị theo chuẩn gồm 01 máy chiếu, 01 máy vật thể, 01 loa kéo, micro; loa treo tường, máy photo, máy in, máy ảnh, amply, micro, loa máy... phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường.

Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất trên đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

4. Các số liệu khác (nếu có)

Bảng mã minh chứng (Phụ lục)

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Đội ngũ

Trường THCS Phương Đông được thành lập ngày 05/09/1964, tiền thân là trường phổ thông cấp 2 Phương Đông. Ngày 24/08/1990, UBND Thị xã Uông Bí (nay là Thành phố Uông Bí) quyết định tách trường thành 2 cấp với tên gọi trường THCS Phương Đông đến nay. Qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến, có thành tích trong phong trào thi đua, được UBND Tỉnh tặng Bằng khen năm học 2021-2022. Nhà trường đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 03/2011 và được công nhận lại vào tháng 08/2016, duy trì tốt các tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề, có trình độ chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt, có tinh thần đoàn kết nhất trí cao. Chất lượng đào tạo học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS liên tục đạt 100%.

Được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo UBND Thành phố Uông Bí, Phòng GD&ĐT Uông Bí cùng với Đảng bộ và chính quyền phường Phương Đông đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường cơ bản khang trang và hoàn thiện đáp ứng được nhu cầu học tập và rèn luyện của các em học sinh.

Năm học 2023-2024, nhà trường có quy mô 25 lớp với 1191 học sinh.

Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn phát huy tốt vai trò trong các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường: công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp nâng cao thành tích của trường. Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, luôn đồng thuận, quyết tâm thực hiện kế hoạch cá nhân có kết quả tốt, góp phần vào kết quả chung của nhà trường trong từng năm học.

Năm học 2023-2024, nhà trường có 50 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, trong đó có 44 giáo viên, 3 nhân viên (1 nhân viên y tế, 1 kế toán và 1 nhân viên thiết bị - thí nghiệm).

Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 07; Đại học: 39; Cao đẳng: 04; Trung cấp: 0. Nhà trường có 4 tổ: Tổ Toán - tin; Tổ Khoa học xã hội; Tổ Khoa học tự nhiên; Tổ Văn phòng.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ luôn được nhà trường quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý*

giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức như tự học, đi học nâng cao chuyên môn, dự các lớp tập huấn, chuyên đề của các cấp, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn... Bên cạnh đó, công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được cụ thể hóa bằng văn bản nhằm công khai người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, vững chuyên môn nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

Về trình độ đào tạo: Các thành viên đều có trình độ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc; đạt chuẩn là 44 (100%), trên chuẩn là 40 (90,9%), số lượng và tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: $02/44 = 4,5\%$, số lượng và tỷ lệ giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố: $09/25 = 36,0\%$ (GVĐG cấp TP; GVCNG cấp tỉnh: không tổ chức thi).

Về xếp loại thi đua: Hàng năm, nhà trường có 01 chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh hoặc được UBND tỉnh tặng Bằng khen; có từ 05 đến 06 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; có từ 01 đến 02 đồng chí được Sở GD&ĐT tặng giấy khen; có từ 01 đến 04 đồng chí được UBND thành phố tặng giấy khen; có từ 01 đến 03 giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh; có từ 04 đến 14 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

Về phẩm chất chính trị: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, thực hiện nghiêm túc quy định của ngành, được học sinh và CMHS tin tưởng.

1.2. Cơ sở vật chất

Trường có diện tích 6908,2 m², trường có cổng, tường bao, biển trường đủ, đúng theo quy cách.

Khối phòng hành chính quản trị

Nhà trường có khối hành chính - quản trị gồm 09 phòng: 03 phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng (kế toán), 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng thường trực (bảo vệ), 01 phòng y tế, 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng chờ của giáo viên. Ngoài ra nhà trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên được đặt ở vị trí thuận lợi tiện cho sử dụng. Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên có mái che và đủ chỗ.

Khối phòng học tập

Nhà trường có tổng số 14 phòng học, các phòng được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

Nhà trường có 10 phòng học bộ môn, được sử dụng thường xuyên theo quy định, cơ bản đảm bảo theo Quy định về tiêu chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Các phòng đều được lắp đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường và công việc giảng dạy, học tập của học sinh và giáo viên.

Các loại máy văn phòng, Internet của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý và các hoạt động giáo dục với 05 bộ máy tính và máy in phục vụ hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên và 20 máy tính phục vụ cho hoạt động học tập của học sinh.

Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện nhà trường có diện tích 75m², được trang bị giá sách, bàn ghế, tủ. Thư viện có đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo và các loại truyện, báo... Thư viện hoạt động theo quy định của thư viện trường học.

Nhà trường có 01 phòng truyền thống là nơi lưu giữ, trưng bày một số hình ảnh, tư liệu về truyền thống nhà trường. Có 01 phòng tư vấn học đường; phòng hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh; phòng thiết bị giáo dục có đầy đủ giá, tủ để dụng cụ và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

Khối phụ trợ

Nhà trường có 01 phòng họp hội đồng, được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt các buổi họp, tổ chức các hoạt động (Đại hội, Hội nghị,...) của trường. Phòng y tế được trang bị giường, tủ thuốc, các dụng cụ y tế; có nhân viên y tế hoặc nhân viên kiêm nhiệm trực và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo các công văn hướng dẫn.

Khu để xe học sinh có mái che, đủ chỗ cho học sinh, thuận tiện cho việc đi lại và quản lý của bảo vệ nhà trường (có cổng khóa và camera giám sát).

Khu vệ sinh học sinh gồm 02 khu vực có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo theo quy định, có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí. Khu vệ sinh được đặt ở vị trí riêng biệt, thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.

Nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây, hàng rào sắt) vững chắc, an toàn, cổng trường có gắn biển tên trường, biển điện tử.

Khu sân chơi, TDTT

Sân chung của nhà trường được lát gạch đỏ, bê tông sạch sẽ, rộng rãi, có cây xanh, ghế đá cho học sinh ngồi để tổ chức các hoạt động của toàn trường.

Sân TDTT an toàn và có đủ hồ nhảy, đường chạy ngắn, đường chạy bền, sân cầu lông, đá cầu.

Hạ tầng kỹ thuật

Công trình nước sạch và nhà vệ sinh có hệ thống nước máy phục vụ vệ sinh, sinh hoạt trong trường; đồng thời là nguồn nước để lọc nước uống cho học sinh (nước uống đảm bảo vệ sinh được kiểm định 02 lần/năm).

Hệ thống cấp điện bảo đảm an toàn và đủ công suất phục vụ hoạt động của nhà trường; hệ thống phòng cháy, chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành. Tất cả các phòng được kết nối mạng internet phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập của trường. Nhà trường lắp đặt camera tại một số khu vực trong trường; khu thu gom rác thải được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng học và các khối phòng chức năng.

1.3. Môi trường giáo dục

1.3.1. Địa phương

Trường THCS Phương Đông nằm trên địa bàn phường Phương Đông, ở vị trí trung tâm, gần Công an phường và UBND phường. Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo, quan tâm đúng mức của chính quyền địa phương và CMHS đến công tác giáo dục, phong trào thi đua của nhà trường. Do đó, trong thời gian qua đã hỗ trợ nhà trường có nhiều thành tích nổi bật trong các phong trào vận động.

1.3.2. Nhà trường

Trường THCS Phương Đông có cảnh quan, môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, có môi trường sư phạm thuận lợi: đội ngũ đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao, có tay nghề cơ bản đồng đều, vững vàng. Nhà trường xác định hướng đi trọng tâm là: Phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển, xây dựng giáo dục toàn diện. Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã đủ điều kiện tiếp cận những đổi mới của ngành, đảm bảo giữ ổn định chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục toàn diện.

Các lực lượng giáo dục phối kết hợp tốt, đặc biệt là BDD CMHS của nhà trường đã tạo điều kiện hỗ trợ cho nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

1.4. Về học sinh

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024, tổng số học sinh nhà trường tăng từ 833 đến 1191 em. Các em có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học, có ý thức trong các hoạt động giáo dục toàn diện, lực học tương đối đồng đều và được rèn luyện những kỹ năng sống cơ bản, đáp ứng yêu cầu cuộc sống hiện nay.

1.5. Một số nét về các hoạt động giáo dục của nhà trường

1.5.1. Thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua một cách có hiệu quả như: cuộc vận động "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*";

cuộc vận động “*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

1.5.2. Thực hiện chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.

1.5.2.1. Tập trung chỉ đạo thực hiện triệt để đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, dạy học phân hoá trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông; tạo ra sự chuyển biến cơ bản về đổi mới kiểm tra đánh giá, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.5.2.2. Tăng cường ứng dụng CNTT vào thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra đánh giá có hiệu quả.

1.5.2.3. Tiếp tục tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý dạy học, kiểm tra đánh giá, đặc biệt là vai trò của nhà trường trong quản lý thực hiện chương trình giáo dục, chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

Các cuộc thi TDDT, văn nghệ: tổ chức tốt phong trào TDDT - văn nghệ có hiệu quả, tham gia các giải bóng đá cấp thành phố, giải điền kinh, Họa mi vàng các cấp đạt giải cao.

Công tác xã hội hóa giáo dục: hàng năm được các cấp ban ngành đoàn thể đóng trên địa bàn quan tâm.

Công tác tài chính: thực hiện nghiêm túc công tác tài chính đảm bảo minh bạch trong nhà trường.

2. Mục đích TĐG

Trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ vai trò quan trọng nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần xây dựng một nền kinh tế trí thức. Tuy nhiên, giáo dục ở tất cả các cấp học đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, nhất là trong tình trạng hiện nay, khi mà chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của Luật giáo dục năm 2019 mà Bộ GD&ĐT đang triển khai như đổi mới mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, cách đánh giá xếp loại học sinh... nên việc tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên, tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp học nhằm nhanh chóng tạo bước chuyển hướng lớn về chất lượng giáo dục là công việc quan trọng trong các nhà trường.

Thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ninh, Phòng GD&ĐT Thành phố Uông Bí; căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Quảng Ninh, trường THCS Phương Đông đã tiến hành tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường với mục đích:

+ Xác định mức độ chuyển đổi số của nhà trường để từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động của việc thực hiện chuyển đổi số trong thời gian tới. Thông qua đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức và đề xuất các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường; tiếp tục kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo chỉ đạo và đề ra các biện pháp để nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, duy trì và dần nâng cao chất lượng các hoạt động. Thông qua tự đánh giá nhà trường thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng mức độ chuyển đổi số của đơn vị.

+ Thúc đẩy tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn trường tiếp tục nỗ lực phấn đấu góp phần không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường.

+ Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ cơ sở giáo dục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình phương pháp và công cụ tự đánh giá của trường trung học.

** Về quy trình TĐG:*

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá và kết quả tự đánh giá
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

** Về phương pháp TĐG:*

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các chỉ thị, quyết định của Bộ Giáo dục và đào tạo (BGD&ĐT), Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD&ĐT), Phòng Giáo dục và đào tạo (PGD&ĐT) về công tác đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục.

- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình TĐG.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn những người có liên quan.

- Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung TĐG.

- Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác TĐG.

- Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

- Phương pháp tự luận: viết báo cáo TĐG.

** Về công cụ đánh giá*

- Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là Quyết định 4725) “Quyết định ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên”.

- Công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá, và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Công văn 523/PGD&ĐT ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.

- Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

** Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG*

Thực hiện quá trình TĐG, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX). Qua đó, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Những mặt mạnh nổi bật: Trường THCS Phương Đông luôn có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, chuyên môn tay nghề khá vững vàng, có tinh thần đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ nhau trong công tác và đời sống. Đây chính là yếu tố tiên quyết tạo nên thành công trong công tác giáo dục, tạo nên chất lượng giáo dục vững mạnh của nhà trường trong những năm qua. Nhà trường cũng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, động viên tinh thần và tạo điều kiện về cơ sở vật chất của các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, địa phương, của cha mẹ học sinh (CMHS)... Chính vì vậy, nhà trường đã có được một hệ thống trường, lớp, thoáng mát khang trang với cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ. Do đó, việc thực hiện phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Chất lượng giáo

dục toàn diện luôn là điểm mạnh nổi bật của nhà trường. Cùng với đó chất lượng giáo dục mũi nhọn, hàng năm đã có sự phát triển năm sau cao hơn năm trước. Kết quả thi HSG, thi vào lớp 10 THPT công lập của học sinh và các giấy khen, bằng khen của cán bộ, giáo viên, nhân viên, của tập thể nhà trường là minh chứng cho chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong những năm qua.

Quá trình TĐG là cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua, thấy rõ được sự trưởng thành và phát triển, để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại. Đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục mở ra nhiều cơ hội trong việc cải thiện và phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong thời đại công nghệ 4.0 tạo nên cơ hội nổi bật:

Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Sự phát triển của công nghệ thông tin và internet tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giáo dục trực tuyến. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng internet nhanh và ổn định, sẽ giúp thúc đẩy giáo dục số.

Mở rộng tiếp cận công nghệ: Đảm bảo rằng học sinh, giáo viên và nhà trường có khả năng sử dụng công nghệ là một cơ hội lớn. Điều này giúp tất cả các bên liên quan tận dụng các công cụ và ứng dụng kỹ thuật số để nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển nội dung số hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục cần có nội dung số hóa phù hợp với nhu cầu giảng dạy và học tập hiện đại. Việc tạo ra và chia sẻ nội dung giáo dục số đa dạng và chất lượng là một cơ hội quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Sự phát triển của hệ thống học trực tuyến: Các nền tảng học trực tuyến và khóa học trực tuyến mở (MOOCs) cung cấp cơ hội cho mọi người tiếp cận giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu cá nhân, không phân biệt giới tính, địa lý hay tình trạng kinh tế.

Hỗ trợ và đầu tư từ chính phủ và các tổ chức: Chính phủ và các tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục. Hỗ trợ tài chính, đầu tư vào đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ giáo dục, cũng như xây dựng các chính sách phù hợp giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục.

Tích hợp công nghệ vào quy trình giảng dạy: Công nghệ giúp nâng cao phương pháp

giảng dạy, tạo ra môi trường học tập tương tác và hấp dẫn hơn. Các công cụ như bảng trắng thông minh, phần mềm giáo dục và ứng dụng di động có thể giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và kỹ năng tư duy.

Phát triển kỹ năng số cho giáo viên và học sinh: Để thành công trong chuyển đổi số giáo dục, cần đảm bảo rằng cả giáo viên và học sinh đều có kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ. Đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giáo dục và hỗ trợ liên tục giúp thầy cô và học sinh làm quen và phát triển kỹ năng số của họ.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội mới trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm hệ thống học tập cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ giáo viên trong việc giảng dạy. Việc tận dụng AI trong giáo dục giúp nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Hợp tác giữa các bên liên quan: Sự hợp tác giữa các nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức là rất quan trọng để đạt được chuyển đổi số thành công trong giáo dục. Mỗi quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan giúp tận dụng tài nguyên, chia sẻ kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp phù hợp với từng đối tượng.

Thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục: Nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục là cơ hội để phát triển các công cụ, phương pháp giảng dạy mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu tiểu luận, cũng như chấp nhận sự thay đổi và đổi mới, sẽ giúp tạo ra một môi trường giáo dục tiên tiến hơn.

Hướng tới hoàn thiện nội dung cần thiết cho chuyển đổi số trong trường học, cần Hoàn thiện quy trình dạy học online; khai thác cơ sở dữ liệu nhà trường đã được số hoá phục vụ hoạt động truyền thông, lưu trữ. Khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị phòng học thông minh được trang bị, phần mềm dạy học và các phương pháp tổ chức dạy học tích cực đáp ứng cho hình thức trực tiếp; trực tuyến cho phù hợp. Tăng cường khai thác UDCNTT trong kiểm tra đánh giá, tương tác giữa thầy-trò; nhà trường-gia đình. Nâng cao năng lực CBQL, GV, NV trong khai thác phần mềm, UD CNTT trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 1.1. Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm). Tiêu chí bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ-Sở-Phòng GDĐT nhà trường đã xây dựng Kế hoạch dạy học trực tuyến (có nội dung dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến) trong đó có các giải pháp thể hiện rõ đáp ứng nội dung tổ

chức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT [MC. 01.01.01].

- Trường xây dựng được Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 có nội dung tổ chức dạy học xác định rõ cách thức thực hiện và yêu cầu thực hiện thống kê tiết học, bài học theo môn/khối lớp về nội dung tổ chức dạy học trực tuyến [MC.01.01.02].

- Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, kế hoạch chuyển đổi số tương đối đồng bộ [MC.01.01.03].

- Biểu thống kê giáo dục có nội dung dạy học trực tuyến: Số lượng học liệu số được phê duyệt; số tiết, bài học dạy học trực tuyến đã áp dụng [MC.01.01.04].

2. Điểm mạnh

- Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

- Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

- Trong năm học đã tích cực tổ chức các hoạt động liên quan đến kiểm tra - giám sát thực hiện tổ chuyên môn.

- Các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học có số liệu cụ thể, bảng biểu thống kê.

3. Điểm yếu

- Giáo viên còn chưa linh hoạt khi thực hiện các kế hoạch đã được triển khai.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL-GV-NV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường xây dựng quy chế dạy học trực tuyến cụ thể rõ ràng đảm bảo căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên và nội dung hướng dẫn số 1246 /HD-PGDĐT ngày 05/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí về hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học cơ sở năm học 2023- 2024 [MC.01.02.01].

2. Điểm mạnh

- Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây

dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

- Đánh giá được kết quả học tập của học sinh một cách thường xuyên, linh hoạt, khách quan.

3. Điểm yếu

- Cần nâng cấp hơn về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy, học trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến

- Bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ, cơ sở vật chất của nhà trường để điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến theo hướng phát huy tính tích cực của giáo viên - nhân viên trong tự bồi dưỡng các năng lực sử dụng công nghệ thông tin qua hoạt động dạy và học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên). [MC. 01.03.02]
 - Có thông báo về việc sử dụng LMS trong dạy học trực tuyến [MC. 01.02.01]
 - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng dưới đây không quá 6 điểm. [MC. 01.03.01]

(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; [MC. 01.03.04]

(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; [MC. 01.03.05]

(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; [MC. 01.03.011]

(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. [MC. 01.03.05]

1. Mô tả hiện trạng

- Có sự thống nhất sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến trên Meeting zoom, trường sử dụng tài nguyên tài khoản moet.edu tạo và cấp tài khoản học tập cho từng lớp nhưng hiện chưa có bản quyền (hạn chế 30 phút). Bên cạnh đó có thống nhất phương án sử dụng dự phòng Google meet cho việc dạy học trực tuyến [MC.01.03.01]; [MC.01.03.02].

- Trường triển khai hướng dẫn cho giáo viên, học sinh sử dụng website olm.vn trong các hoạt động dạy trực tuyến (Meeting zoon chạy trên nền tảng olm.vn do bên quản trị olm cung cấp) đảm bảo giao bài học sinh tự học bằng video, có hệ thống câu hỏi kiểm tra việc nhận biết, thông hiểu, vận dụng nội dung video học tập, kiến thức của bài học. Sử dụng LMS cho việc tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, hỏi đáp trực tuyến trên hệ thống phục vụ cho hoạt động đánh giá bằng nhận xét qua hệ thống bài tập trắc nghiệm, phiếu kiểm tra tự luận [MC.01.03.03]; [MC.01.03.04]; [MC.01.03.05]; [MC.01.03.06].

2. Điểm mạnh

Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến.

Có đủ tài khoản của cán bộ, giáo viên trên hệ thống LMS.

3. Điểm yếu

- Tương tác GV-HS trên môi trường trực tuyến và sự tham gia phối hợp của phụ huynh học sinh trong quá trình học tập của học sinh còn hạn chế do trang thiết bị của giáo viên, học sinh và phụ huynh chưa thuận lợi.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên có nhiều phương án dạy học trực tuyến, kết hợp dạy học trực tuyến và trực tiếp để hướng đến giảm thời lượng học tập trực tiếp trên lớp, dành nhiều thời gian cho các hoạt động giáo dục trải nghiệm.

- Xây dựng đầy đủ quy chế và phối hợp cùng phụ huynh trong việc tạo điều kiện về thiết bị học tập, quản lý thời gian tự học, học trực tuyến của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (22/30 điểm). Cụ thể

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp: 06 điểm.
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:
 - (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học (04 điểm).
 - (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh (03 điểm).
 - (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên (05 điểm).
 - (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh (03 điểm).

Tiêu chí 1.4. Số lượng học liệu được số hóa

- Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

1. Mô tả hiện trạng

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt [MC.01.04.01]; [MC.01.04.02].

- Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện được sử dụng trên nguồn học liệu mở do Sở GDĐT cung cấp; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng được tổ chuyên môn thẩm định đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống

lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Số lượng học hiệu đã sử dụng trên 40 học liệu [MC.01.04.03]. Một số hình ảnh về quá trình sử dụng và xây dựng học liệu số của giáo viên và học sinh [MC.01.04.04]; [MC.01.04.05].

- Các học liệu dạy học trực tuyến của các tổ chuyên môn được phê duyệt của hiệu trưởng nhà trường trước khi sử dụng [MC.01.04.06].

2. Điểm mạnh

- Đảm bảo thực hiện việc thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

- Nhà trường và giáo viên luôn tạo cơ hội cho học sinh được học và tiếp cận với bài giảng điện tử, các phần mềm, công cụ dạy học mới như Padlet, Quizizz, Plickers, OLM,...

- Học liệu số phong phú, đa dạng, áp dụng cho nhiều bộ môn, phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Điểm yếu

- Một vài sản phẩm bài giảng số chất lượng âm thanh còn lẫn tạp âm, hình ảnh chưa sắc nét.

- Giáo viên chưa lưu lại hình ảnh sử dụng học hiệu số đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nâng cao năng lực và có phương án thẩm định kịp thời giá trị học liệu giáo viên sử dụng trong dạy học để phát huy học liệu giá trị cũng như chặn kịp thời học liệu chưa đạt yêu cầu, chưa đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh.

- Tham mưu cho nhà trường trang bị được phòng kỹ thuật studio tạo điều kiện cho giáo viên xây dựng bài giảng số e-learning.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (8/10 điểm)

Tiêu chí 1.5. Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm. Tối đa 15 điểm.

- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho học sinh bằng máy tính trên phòng máy tính có kết nối mạng ngay từ đầu năm học. [MC.01.05.01]

- Trường hiện nay có tổ chức cho học sinh tham gia nội dung thi trực tuyến trên

máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường (Tiếng anh IOE); có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học (Tin học) trên phòng máy tính. [MC.01.05.02] [MC.01.05.03]

- Có tổ chức cuộc thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường, có phương án bảo mật của tài khoản hs dự kiểm tra, bảo mật kết quả làm bài (tích hợp trong kế hoạch tổ chức kiểm tra); [MC.01.05.04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng máy tính riêng, trang bị máy tính, mạng internet phục vụ việc học tập và kiểm tra trực tuyến. Nhà trường và giáo viên luôn tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận các kì thi trực tuyến như Tiếng Anh IOE,...

3. Điểm yếu

- Phòng học máy tính có nhiều máy cũ, hay gặp vấn đề khi sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến

- Đề nghị nhà trường và các cấp trên quan tâm bổ sung, sửa chữa các máy tính, đảm bảo chất lượng hiệu quả phòng máy tính.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (13/20 điểm)

Tiêu chí 1.6. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm

- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm.

- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

- 100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2018. Hằng năm có khoảng 87% giáo viên tự đăng ký tham gia các khóa học bồi dưỡng phương pháp dạy học; nghiệp vụ công tác chủ nhiệm lớp [MC.01.06.01].

- 100% giáo viên có tài khoản trên Quizizz, Plickers, Padlet, OLM để thực hiện dạy học trực tuyến (giao bài kiểm tra củng cố - luyện tập các bài dạy; tương tác hỏi - đáp và nhận xét, tổng hợp kết quả học tập trực tuyến). 100% giáo viên sử dụng bài giảng

điện tử trong các tiết dạy. 100% giáo viên có thể khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. 100% giáo viên và CBQL tham gia tập huấn chuyên môn trực tuyến, tập huấn SGK,... theo quy định của Phòng giáo dục, Sở giáo dục [MC.01.06.02], [MC.01.06.03], [MC.01.06.04].

- 100% giáo viên xây dựng bài giảng có khai thác, sử dụng học liệu số từ nguồn được thẩm định của tổ chuyên môn. 100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09 [MC.01.06.05], [MC.01.06.06], [MC.01.06.07].

2. Điểm mạnh

- Đa số giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy tương đối cao.

3. Điểm yếu

- Việc tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

- CBQL và TTCM chủ động xây dựng các chuyên đề học tập và các tiêu chí thi đua tạo động lực cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến.

- Phó hiệu trưởng phụ trách tham mưu với lãnh đạo trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử, đánh giá học liệu số ngày càng phù hợp các yêu cầu đổi mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (15/20 điểm)

Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: < 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

- 100% (14/14) phòng học được trang bị màn tivi hoặc máy chiếu, mỗi dãy phòng có 01 đầu phát wifi. Trong thực hiện ghi chép sổ sách theo sổ ghi đầu bài các lớp học, tổ chức đánh giá kết quả theo nội dung kiểm tra nội bộ đối với từng giáo viên trong năm học [MC.01.07.01], [MC.01.07.02], [MC.01.07.03].

- Trường có 01 phòng học Tin học có 23 máy tính chưa đảm bảo đáp ứng 02 học sinh/máy tính. [MC.01.07.04], [MC.01.07.05], [MC.01.07.06].

- Tất cả các phòng được kết nối mạng internet phục vụ cho hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học của nhà trường [MC.01.07.07].

- Trường xây dựng và bố trí được phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường [MC.01.07.08].

2. Điểm mạnh

- Được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

3. Điểm yếu

- Phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) chưa đạt tiêu chuẩn sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường. Máy tính đã cũ, còn bị lỗi trong quá trình sử dụng. Những sản phẩm âm thanh và video tạo ra chưa đạt chất lượng cao về độ sắc nét, trung thực và ấn tượng. Phòng studio chưa được thiết kế theo nguyên lý chống ồn, chống nhiễu.

- Phòng tin học có máy tính cũ, hay gặp vấn đề khi sử dụng, số lượng máy tính ít.

4. Kế hoạch cải tiến

- Phát huy nghiệp vụ tổ công nghệ thông tin nhà trường và ban chỉ đạo chuyển đổi số của trường xây dựng quy trình kỹ thuật, tiêu chí thẩm định học liệu số, bài giảng điện tử. Từ đó đề xuất nhà trường mua sắm trang thiết bị phù hợp tránh lãng phí.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng năng lực sử dụng hệ thống thiết bị được trang bị trong hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (14/20 điểm)

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

*** Ưu điểm**

- Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

- Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

- Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

- Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến. Có hệ thống LMS bản quyền và quản

trị được các hoạt động của hệ thống.

- Số lượng học liệu được số hóa, thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. Có đầy đủ máy tính phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến.

- Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

- Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học, được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

* Hạn chế

- Giáo viên còn chưa linh hoạt khi thực hiện các kế hoạch đã được triển khai.
- Việc tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy chưa thường xuyên.
- Một vài sản phẩm bài giảng số chất lượng âm thanh còn lẫn tạp âm, hình ảnh chưa sắc nét.
- Giáo viên chưa lưu lại hình ảnh sử dụng học hiệu số đầy đủ.
- Phòng studio chưa đạt tiêu chuẩn sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ dạy và học, phòng tin học máy tính cũ, hay gặp vấn đề khi sử dụng, số lượng máy tính ít.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu:

- Chuyển đổi số là bước chuyển mình mạnh mẽ, đòi hỏi sự thay đổi từ trong tư duy, nhận thức của mỗi người. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập tầm quan trọng cho giáo viên, giảng viên, cán bộ nhà trường. Từ đó mới phối hợp cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục. Tiến hành hướng dẫn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ số cho tất cả những người làm công tác giảng dạy, như kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin,... trên môi trường số. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách áp dụng công nghệ số trong phương pháp giảng dạy, giúp mở ra nhiều cơ hội để tăng cường chất lượng giáo dục và giúp học sinh phát triển toàn diện trong thế giới số hóa ngày càng phát triển.

- Cải thiện cơ sở dữ liệu: Việc chú trọng vào triển khai quản lý hệ thống, chia sẻ dữ liệu để đồng bộ trong giáo dục, chuyển đổi tất cả tài liệu từ giấy tờ qua văn bản điện tử. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị phục vụ quá trình dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội số khác nhau.

- Các hoạt động như thúc đẩy triển khai học liệu số, hình thành kho học liệu mở dùng chung cho toàn ngành, đồng thời hợp tác, liên kết với các tổ chức trên thế giới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, khuyến khích và hỗ trợ triển khai các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ tiên tiến: Hạ tầng mạng và các trang thiết bị phải được cải tiến, đổi mới khi chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là những nơi có kết nối kém. Tăng cường kết hợp với các công nghệ hiện đại trên thế giới như AI, Big data, IoT, Blockchain,... với cơ sở dữ liệu số để xây dựng hệ thống thu thập thông tin, đưa ra dự báo và thiết lập ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý, ứng dụng phần mềm quản lý: Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học. Theo đó, cần thống nhất các quy định liên quan đến: Khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin; Hình thức giảng dạy; Quản lý các khóa học trực tuyến; Điều kiện cần và đủ để mở trường học.

- Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục cần áp dụng các phần mềm quản lý, đây cũng là hình thức được nhiều trường học, cơ sở áp dụng. Bên cạnh đó, các phần mềm tích hợp tính năng vượt trội cũng giúp nhà trường tăng cường nghiệp vụ, quản lý hồ sơ, giảng dạy với các thao tác linh hoạt, nhanh chóng. Việc phát triển các khóa học trực tuyến cũng góp phần rất lớn trong công tác phục vụ giáo viên dạy học tại vùng sâu, vùng xa, những nơi có hoàn cảnh khó khăn và địa hình hiểm trở, thời tiết xấu, cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn thiện,...

- Sử dụng nền tảng học liệu số trong giáo dục: iGiaoduc.vn là một nền tảng giáo dục số trực tuyến được phát triển bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ban điều hành Đề án Hệ tri thức Việt số hóa và các đối tác tài trợ, hỗ trợ. Nền tảng này được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường. iGiaoduc.vn là một kho học liệu số khổng lồ với hơn 100.000 học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Sách giáo khoa; Bài giảng; Bài tập; Kiểm tra, đánh giá; Trò chơi học tập; Video bài giảng; E-learning.

Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

- Cơ sở giáo dục đã thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

1. Mô tả hiện trạng

- Sau khi ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, trường kịp thời ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ phụ trách, triển khai. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm [MC.02.01.01], [MC.02.01.02].

2. Điểm mạnh

- Triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

- Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục duy trì và phát huy những việc đã làm được.

5. Tự đánh giá: Đạt.

- Có ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. (Nội dung bắt buộc)

1. Mô tả hiện trạng

- Trường ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; Hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; Xây dựng hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu dùng chung của nhà trường; Quản lý, vận hành các hệ thống, phần mềm dùng chung của nhà trường; Hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên nhà trường; Tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Thống kê các nội dung tập huấn cho GV [MC.01.01.03], [MC.02.02.01], [MC.02.02.02], [MC.02.02.03].

2. Điểm mạnh

- Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

3. Điểm yếu

- Một số bài giảng e-learning chất lượng chưa cao do còn thiếu điều kiện công nghệ thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến

- Ban chỉ đạo cần tham mưu với các cấp nhằm nâng cao chất lượng và điều kiện công nghệ đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web). Tối đa 8 điểm. Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, ...

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Tối đa 12 điểm. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, ...).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tối đa 10 điểm. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

1. Mô tả hiện trạng

- Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT chủ yếu dùng qua zalo tạo nhóm phụ huynh, học sinh, tổ -nhóm công tác, chuyên môn từ đó tạo các tương tác, kết giữa gia đình và nhà trường, giáo viên với giáo viên, quản trị trường với giáo viên-nhân viên. Bên cạnh đó sử dụng các tiện ích trực tuyến trong khảo sát, phiếu hỏi các nội dung dịch vụ công đến GV-HS-PHHS [MC.02.04.01]. [MC.02.04.05].

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có hỗ trợ một phần đối với các bước thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 6 THCS, lớp 10 THPT [MC.02.04.04].

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục (Học phí) theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh [MC.02.04.02]. Báo cáo tổng hợp số lượng, tỉ lệ các khoản phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt [MC.02.04.03]

2. Điểm mạnh

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

3. Điểm yếu

- Chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

4. Kế hoạch cải tiến

- CBQL thực hiện tư vấn và bồi dưỡng năng lực giáo viên, nhân viên thực hiện giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (17/30 điểm)

Chỉ số	Điểm số
Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	5
- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	7
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	5
Tổng điểm: 17/30 - Đạt: Mức độ 2	

- Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường.
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 8 điểm.
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). Tối đa 8 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường <https://truong.cSDL.moet.gov.vn>; <https://cSDL.moet.gov.vn> và hướng dẫn thực hiện trong văn bản ban hành quy định lập và sử dụng hồ sơ sổ sách nhà trường, TCM, giáo viên. [MC.02.03.01] [MC.02.03.02].

- Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS có phân hệ quản lý học sinh, y tế học đường cấp quyền cho nhân viên y tế có trách nhiệm cập nhật thông

tin sức khỏe học sinh đầu năm khi có kết quả khám sức khỏe của học sinh [M02.03.03]. Phần mềm MISA có phân hệ quản lý cơ sở vật chất được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, có nhiệm vụ cập nhật thông tin hàng năm về CSVC, tài sản của nhà trường hoặc khi có biến động về tài sản trong nhà trường [MC.02.03.04].

- Trường sử dụng phần mềm <https://qlcl.vn/> kiểm định chất lượng [MC.02.03.06]

- Trường sử dụng hệ thống qlth.quangninh.edu.vn đồng bộ dữ liệu trường học của Sở GDĐT triển khai bao gồm phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) [MC.02.3.05]. Thực hiện sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Thực hiện triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên webste <https://ccvc.quangninh.gov.vn> và có triển khai phân hệ quản lý kế toán. [MC.02.03.07] [MC.02.03.09]

- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu CSDL ngành (do Bộ quản lý) [MC.02.03.08]

- Trường triển khai thực hiện chữ ký điện tử [MC.02.03.10]

2. Điểm mạnh

- Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)

3. Điểm yếu

- Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm so với quy định
- Cấp chữ ký số chưa tiến hành được cho toàn bộ CBQL-GV-NV

4. Kế hoạch cải tiến

- Năm học 2024-2025 hoàn thiện việc báo cáo Phòng GDĐT và UBND thành phố hỗ trợ cấp chữ ký số cho CBQL-GV-NV triển khai sử dụng trong lập hồ sơ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (54/70 điểm)

Chỉ số	Điểm số
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 8 điểm.	6
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Tối đa 8 điểm	6
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 8 điểm.	6

- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 10 điểm.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 10 điểm.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 8 điểm.	6
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) ¹ . Tối đa 8 điểm.	6
Tổng điểm: 54/70- Đạt: Mức độ 3	

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

*** Ưu điểm**

- Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

- Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ , nhóm chuyên môn.

- Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến, có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

*** Hạn chế**

- Một số bài giảng e-learning chất lượng chưa cao do còn thiếu điều kiện công nghệ thực hiện.

- Chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lí hồ sơ.

- Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm so với quy định

- Cấp chữ ký số chưa tiến hành được cho toàn bộ CBQL-GV-NV

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

¹ Địa chỉ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành: <https://csdl.moet.gov.vn>; <https://truong.csdl.moet.gov.vn>

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG**- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số**

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 03 (42,8%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 04 (57,2%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Các kết luận khác: Không

Uông Bí, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thanh

PHẦN IV. PHỤ LỤC
BẢNG MÃ CÁC MINH CHỨNG NĂM HỌC 2023-2024

NHÓM TIÊU CHÍ: CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY HỌC				
Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tên minh chứng	Mã MC	Mã dẫn
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	- Kế hoạch dạy học trực tuyến.	MC.01.01.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến)	MC.01.01.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UD CNTT và chuyển đổi số, kế hoạch chuyển đổi số	MC.01.01.03	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	- Biểu thống kê giáo dục có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến	MC.01.01.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.2	- Quy chế dạy học trực tuyến	MC.01.02.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Thông tin hệ thống LMS/LCMS	MC.01.03.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Danh mục các phần mềm dạy học khác được giáo viên khai thác sử dụng và hướng dẫn khai thác sử dụng	MC.01.03.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Danh sách thư điện tử (công vụ) của giáo viên, danh sách đường link được giáo viên sử dụng phổ biến	MC.01.03.03	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Danh sách tài khoản olm của GV trường	MC.01.03.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Danh sách tài khoản olm của học sinh trường	MC.01.03.05	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	- Đường link địa chỉ LMS/LCMS của trường	MC.01.03.06	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- Danh mục Học liệu số được nhà trường phê duyệt	MC.01.04.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- BB thẩm định học liệu số của các TCM	MC.01.04.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- Link học liệu đã khai thác được trong quá trình dạy học	MC.01.04.03	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- Hình ảnh, video việc GV sử dụng học liệu trên lớp học (Bố trí theo nhóm môn)	MC.01.04.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- Hình ảnh, video việc HS tham gia xây dựng học liệu số	MC.01.04.05	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	- QĐ phê duyệt học liệu của nhà trường	MC.01.04.06	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	- KH kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính	MC.01.05.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	- KH tổ chức kiểm tra KQ học tập của học sinh bằng sử dụng hệ thống trực tuyến.	MC.01.05.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	- Dữ liệu kỳ kiểm tra lưu trên phần mềm kiểm tra.	MC.01.05.03	

Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	- Phương án bảo mật của tài khoản hs dự kiểm tra, bảo mật KQ làm bài (có thể tích hợp trong kế hoạch tổ chức kiểm tra).	MC.01.05.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Danh sách tài khoản học bồi dưỡng trực tuyến (taphuan.csdl.edu.vn). Danh sách KQ 01 modul học tập của GV trên hệ thống BD CT GDPT 2018 (taphuan.csdl.edu.vn)	MC.01.06.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Danh mục các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học của GV sử dụng dạy học thể hiện đổi mới PPDH (GV, TCM cung cấp từ đầu năm học)	MC.01.06.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- KQ Ktra nội bộ có đánh giá về nội dung UD CNTT trong dạy học của GV	MC.01.06.03	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Các văn bản GV, CBQL tham gia tập huấn chuyên môn trực tuyến (Tập huấn SGK, tập huấn chuyên môn của SGD)	MC.01.06.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Danh sách học liệu số của nhà trường được sử dụng trong năm học	MC.01.06.05	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Số liệu thống kê theo từng GV trong tổ-nhóm chuyên môn về số tiết/bài dạy sử dụng học liệu số	MC.01.06.06	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	- Link tổng hợp các tiết có hoạt động dạy trực tuyến	MC.01.06.07	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Văn bản nhà trường thống kê CSVC các phòng học đáp ứng chuyển đổi số trong dạy học	MC.01.07.01	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Video, ảnh các thiết bị được sử dụng đáp ứng chuyển đổi số	MC.01.07.02	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Hồ sơ quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học thực hiện quá trình chuyển đổi số	MC.01.07.03	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Sơ đồ mạng internet của nhà trường trong năm học	MC.01.07.04	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Bảng thống kê, xác nhận hoá đơn tiền internet sử dụng trong năm học (Kế toán trường học lập biểu)	MC.01.07.05	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Minh chứng khác thể hiện việc khai thác thiết bị, mạng internet trong hoạt động giáo dục nhà trường.	MC.01.07.06	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Hợp đồng sử dụng mạng internet của nhà trường	MC.01.07.07	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	- Hồ sơ phòng Studio hoặc Hồ sơ bố trí các thiết bị số có tính năng hỗ trợ GV xây dựng học liệu số, bài giảng số phục vụ HĐGD nhà trường.	MC.01.07.08	

NHÓM TIÊU CHÍ: CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC				
Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tên minh chứng	Mã MC	Mã dẫn
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	- Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai UD CNTT	MC.02.01.01	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	- Phân công nhiệm vụ BCD UD CNTT	MC.02.01.02	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.2	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UD CNTT và chuyển đổi số.		MC.01.01.03
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.2	- Quyết định HĐ TĐG mức độ chuyển đổi số	MC.02.02.01	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.2	- Tổng hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số.	MC.02.02.02	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Thống kê các nội dung tập huấn cho GV trường	MC.02.02.03	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Quy định hồ sơ sổ sách nhà trường-TCM-GV	MC.02.03.01	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Link hệ thống quản lí hồ sơ, điểm đánh giá học sinh qlth.quangninh.edu.vn	MC.02.03.02	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lý sức khỏe học sinh, y tế trường học.	MC.02.03.03	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm Quản lý CSVC	MC.02.03.04	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm Thư viện điện tử	MC.02.03.05	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm kiểm định chất lượng	MC.02.03.06	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lí kế toán	MC.02.03.07	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm CSDL ngành	MC.02.03.08	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Phần mềm quản lí CCVC	MC.02.03.09	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	- Chữ ký điện tử	MC.02.03.10	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	- Sổ liên lạc điện tử	MC.02.04.01	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	- Văn bản của trường HD PHHS, GV dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt	MC.02.04.02	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	- Báo cáo tổng hợp số lượng, tỉ lệ các khoản phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt	MC.02.04.03	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	- Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	MC.02.04.04	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	- Kết nối liên lạc gia đình-Nhà trường qua ứng dụng OTT (zalo)	MC.02.04.05	